

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên gói thầu: Mua sắm bộ thiết bị tin học năm 2025 tại Agribank Chi nhánh Yên Bái
- Địa điểm thực hiện: Tỉnh Lào Cai
- Chủ đầu tư: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh Yên Bái
- Nguồn vốn: Mua sắm tài sản công cụ dụng cụ của Agribank chi nhánh Yên Bái
- Thời gian thực hiện: 15 ngày
- Hình thức lựa chọn nhà thầu, phương thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh; 01 giai đoạn, 01 túi hồ sơ
- Thời gian lựa chọn nhà thầu: Quý III năm 2025
- Loại hợp đồng: Trọn gói

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

a. Yêu cầu chung

- Hàng hóa thuộc gói thầu phải mới 100%, được sản xuất hoặc nhập khẩu từ năm 2025 trở về sau, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, với đầy đủ các thông số kỹ thuật kèm theo. Đã bao gồm đầy đủ các vật tư, phụ kiện, dịch vụ kỹ thuật kèm theo để lắp đặt hoàn chỉnh, bàn giao theo yêu cầu của chủ đầu tư.

b. Yêu cầu kỹ thuật cụ thể:

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan và Thông số kỹ thuật, các tiêu chuẩn	
A	Máy tính để bàn	
1	Form factor	Slim
2	Processor	Intel® Core™ i5-14500 vPro® (14 cores, up to 5.0GHz)
	Chipset	Intel® Q670
3	Memory	16 GB: 1 x 16 GB, DDR5, 4800 MT/s, UDIMM,

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan và Thông số kỹ thuật, các tiêu chuẩn	
		single-channel
4	Storage	256GB SSD
5	Network	RJ-45 Ethernet Port (1 Gbps)
6	Graphic	Intel® UHD Graphics 770
7	Audio	- Realtek ALC3204 Audio Controller - Internal Speakers
8	Ports in/out	Front: - 2 USB 2.0 (480 Mbps) ports - 1 USB 3.2 Gen 1 (5 Gbps) port - 1 USB 3.2 Gen 1 (5 Gbps) Type-C® port - 1 global headset jack Rear: - 2 USB 2.0 (480 Mbps) ports - 2 USB 3.2 Gen 1 (5 Gbps) ports - 1 DisplayPort™ 1.4a (HBR2) port - 2 HDMI 2.1 (TMDS) port (có sẵn trong máy) - 1 RJ-45 Ethernet Port (1 Gbps)
10	Slots	1 half-height Gen3 PCIe x16 slot 2 half-height Gen3 PCIe x1 slots 1 M.2 2230 slot for Wi-Fi and Bluetooth combo card 1 M.2 2230/2280 slot for solid state drive
11	Keyboard	Dell Pro Smartcard Keyboard - KB813 Compliant with the specification of ISO7816 (ISO/IEC7816-3 Class A/B/C standard) EMV Level 1 Compliance
12	Mouse	Dell Wired Mouse - MS116
13	Software, Security	- Trusted Platform Module TPM 2.0; - BIOS Verification runs every 24 hours by default; SafeBIOS uses a secure cloud environment to compare an individual BIOS and firmware image against the official measurements held in the cloud; - FOTA feature in the pre-boot tasks menu allows to update the firmware using the BIOS level connectivity

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan và Thông số kỹ thuật, các tiêu chuẩn	
		framework; FOTA downloads the latest available BIOS image. After the BIOS image is downloaded successfully, system restarts and the BIOS firmware update is initiated; - DMA Protection (Enable Pre-Boot DMA Support, Enable OS Kernel DMA Support, Internal Port DMA Compatibility Mode) - Local hard drive data wipe through BIOS (Secure Erase) - Chassis lock slot support - Dell provisions trusted default certificates into the UEFI Secure Boot databases to allow Dell to manage the UEFI authenticated variables that protect the allowed database – the “db” – and the disallowed database “dbx” - BIOS Auto-Recovery – Allows to recover the BIOS automatically. - Easy arrange – Layout tab: Drag an application to selected zone, it will snap into place; Modifying an existing layout; In the Save dialog box, select a new layout name from the Customize layout drop-down list, Click Save.
14	Smart Card Reader	Smart Card Reader according to ISO 7816 and EMVCo
15	Operating system	Windows 11 Pro
16	Monitor	19.5 inches, 250 cd/m ² , 1600 x 900 at 60 Hz, Port DP hoặc HDMI Max Power: <= 14W
17	Bảo hành	03 năm chính Hãng - được Hãng thay thế linh kiện lỗi cho máy tính (do Nhà sản xuất) ngay tại nơi sử dụng trên phạm vi toàn quốc, được giữ lại ổ cứng khi hỏng
B	Máy tính xách tay	
1	Processor	Intel® Core™ Ultra 7 255U (12 cores, up to 5.2 GHz)
2	Memory	16 GB DDR5, 5600 MT/s, single or dual-channel

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan và Thông số kỹ thuật, các tiêu chuẩn	
3	Storage	256 GB SSD TLC M.2 2230, PCIe Gen4 DDT SSD setting: Protecting the SSD device in high temperature and worse cases to prevent blue screen of death (BSOD)
4	Display	14" 16:10 FHD+ (1920 x 1200), 60Hz, IPS, Non-touch, Anti Glare, 300 nit, 45% NTSC, 6-bit + FRC
5	Graphics	Intel® graphics
6	Audio	2 x 2W Speakers, Waves MaxxAudio® Pro audio output processing 2 x Noise Canceling Microphones with Intelligo input audio processing
7	Webcam/Camera	FHD HDR Camera, 1080p HDR video, Temporal Noise Reduction, Camera Shutter
8	Network	Intel® AX211 Wi-Fi 6E 2x2, BT 5.3 Wireless Card
9	Ports	- 1 x USB Type-C Thunderbolt 4.0 with Power Delivery 3.1 & DisplayPort 2.1 - 1x USB Type-C with Power Delivery 3.1 & DisplayPort 2.0 4.5mm barrel power delivery - 2 x USB 3.2 Gen 1 Type-A (1 with PowerShare) - 1x HDMI 2.1 - 1x RJ-45 (1 GbE) - 1x Global Headset Jack
10	Input Devices	Precision Clickpad with multi-touch gesture support 10-Finger Touch Display Spill Resistant Non-Backlit AI hotkey Keyboard Spill Resistant Backlit AI hotkey Keyboard
11	Software, Security	- TPM 2.0 FIPS-140-2 Certified / TCG Certified - Chassis intrusion switch - Remotely detects hardware tampering and is integrated with Dell SafeBIOS Indicators of Attack. - Camera Shutter - Security Lock Slot

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan và Thông số kỹ thuật, các tiêu chuẩn	
12	Power Adapter	AC 220V / 50Hz
13	Carying Case	Yes
14	Operating System	Microsoft® Windows 11 Pro 64-bit
15	Smart Card Reader	No
16	Pin	3 cell 45 Wh, Li-ion, ExpressCharge 1.0 , ExpressCharge Boost (bảo hành 1 năm)
17	Bảo hành	03 năm chính Hãng - được Hãng thay thế linh kiện lỗi (do Nhà sản xuất) ngay tại nơi sử dụng trên phạm vi toàn quốc, được giữ lại ổ cứng khi hỏng
C	Máy in	
	Loại máy in	Máy in laser đen trắng
	Chức năng	In
	Khổ giấy	A4/A5
	Bộ nhớ	256MB
	Tốc độ in	- Tốc độ in A4: 40 trang / phút khổ A4
		- Tốc độ in: 42 trang / phút khổ Letter
		- Tốc độ in 2 mặt: 31 trang/phút khổ A4 / 33 trang/phút khổ Letter
	In đảo mặt	Có
	ADF	Không
	Độ phân giải	1200 x 1200dpi
	Cổng giao tiếp	USB/ LAN

Nhà thầu có thể chào thầu hàng hoá có thông số tương đương hoặc công nghệ mới hơn yêu cầu (tương đương được hiểu theo đáp ứng toàn bộ các thông số

được nêu ra trong một loại hàng hoá của E-HSMT, công nghệ mới hơn được hiểu là công nghệ ra sau và có những thông số cao hơn so với các thông số được yêu cầu của một hạng mục hàng hoá trong E-HSMT).

- Tên hãng sản xuất, model, ký mã hiệu của hàng hóa (nếu có) nêu trong E-HSMT chỉ mang tính chất tham khảo.

1.3 Yêu cầu khác

Giá dự thầu của hàng hoá cung cấp cho gói thầu đã bao gồm toàn bộ các dịch vụ đi kèm như: Triển khai, cài đặt, đào tạo, chuyển giao công nghệ... và các dịch vụ, công việc khác phục vụ cho việc triển khai gói thầu. Nhà thầu phải thực hiện đầy đủ các dịch vụ, công việc nêu trên trước khi 2 bên tiến hành nghiệm thu hợp đồng.

Mục 2. Bản vẽ: Không có

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

1. Chủ đầu tư hoặc đại diện của chủ đầu tư có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để khẳng định hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng.

2. Bất kỳ hàng hoá nào qua kiểm tra, thử nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì chủ đầu tư có quyền từ chối và Nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế bằng hàng hoá khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hoá không phù hợp, chủ đầu tư có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh đó nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu chịu, đồng thời đánh giá uy tín của nhà thầu.

3. Khi thực hiện các nội dung nêu tại khoản 1 và khoản 2 Mục này, Nhà thầu không được miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng.